

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 23 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ S1 THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG S1

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân S1;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và tự nguyện ly hôn ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân S1 thụ lý số 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân S1:*

Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Anh Nguyễn Trọng S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Trọng S tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/9/2009. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng quá khác biệt về quan điểm nuôi dạy con, xây dựng gia đình nên thường xuyên xung đột khiến cho cuộc sống hôn nhân lâm vào bế tắc, không có lối thoát. Mặc dù hai bên gia đình cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chị H1 và anh S thống nhất thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận S1 thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, chị H1 và anh S thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị

H1 và anh Nguyễn Trọng S.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Trọng S thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Công S1, sinh ngày 29/3/2011 và cháu Nguyễn Trọng Thế D, sinh ngày 04/5/2013. Hai cháu đều có nguyện vọng xin ở với mẹ. Hai bên thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm trực tiếp nuôi cả hai cháu Nguyễn Trọng Công S1 và cháu Nguyễn Trọng Thế D. Vì vậy, công nhận S1 thỏa thuận về nuôi con của anh chị. Về cấp dưỡng: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Trọng S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Trọng S thống nhất chị H1 chịu toàn bộ lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương S1 nào thay đổi ý kiến về S1 thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và S1 thỏa thuận của các đương S1 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận S1 thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Trọng S

- Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Trọng Công S1, sinh ngày 29/3/2011 và cháu Nguyễn Trọng Thế D, sinh ngày 04/5/2013 là con chung của chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Trọng S. Công nhận S1 thỏa thuận của anh S và chị H1 về nuôi con: giao cho chị Nguyễn Thị H1 sẽ có trách nhiệm trực tiếp nuôi cả hai cháu Nguyễn Trọng Công S1 và cháu Nguyễn Trọng Thế D. Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết. Anh Nguyễn Trọng S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị H1. Nếu anh S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh S.

- Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Trọng S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị H1 đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003805 ngày 11

tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân S1 huyện H (chị H1 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm).

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S1 thì người được thi hành án dân S1, người phải thi hành án dân S1 có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân S1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương S1;*
- *VKSND huyện H;*
- *UBND xã Th;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân S1.*

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú